

Số: /2026/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 61/2023/NĐ-CP của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định về chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các Chi bộ, Ban công tác Mặt trận và Chi hội đoàn thể ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số .../TTr-SNV ngày /7/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026. Quyết định này thay thế Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số

35/2022/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức, hoạt động và tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên ban hành kèm theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- HĐND, UBND cấp xã;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, NC./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường;
- b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;
- c) Cộng đồng dân cư tại thôn, tổ dân phố;
- d) Hội đồng nhân dân xã, phường; Ủy ban nhân dân xã, phường (xã, phường sau đây gọi chung là cấp xã);
- đ) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, xóm, làng (gọi chung là thôn) được tổ chức ở xã, dưới xã là thôn; Tổ dân phố, khu phố, khối phố (gọi chung là tổ dân phố) được tổ chức ở phường, dưới phường là tổ dân phố.

2. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực thuộc phạm vi một đơn vị hành chính xã, phường; là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Trường hợp cần thiết do đặc điểm lịch sử, văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán, mức độ đô thị hóa hoặc yêu cầu quản lý thực tế của địa phương thì Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định việc tổ chức và sử dụng tên gọi thôn, tổ dân phố hoặc tên gọi cộng đồng dân cư khác phù hợp với thực tiễn địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Bảo đảm tổ chức thôn, tổ dân phố tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn, điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý của chính quyền địa phương.

2. Phát huy tính tự quản của cộng đồng dân cư, quyền làm chủ của Nhân dân; bảo đảm đoàn kết, đồng thuận xã hội; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp; khuyến khích Nhân dân tham gia xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, an toàn và phát triển bền vững.

3. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, bình đẳng và trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; phân định rõ nhiệm vụ tự quản của cộng đồng dân cư với nhiệm vụ phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương thực hiện quản lý nhà nước trên địa bàn.

4. Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý của chính quyền địa phương, sự hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; tăng cường phối hợp giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản khác trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và xây dựng đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư.

5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và cải cách hành chính trong tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của Nhân dân, tăng cường sự tương tác giữa Nhân dân với chính quyền địa phương, góp phần xây dựng chính quyền số, xã hội số và công dân số trên địa bàn tỉnh.

Chương II

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Thôn có Trưởng thôn, tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố là chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2. Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND ngày 12/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định về chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người **hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 12/2026/NQ-HĐND), để hỗ trợ hoạt động cho** Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Đối với **thôn có quy mô từ 700 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có quy mô từ 1000 hộ gia đình** trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã

trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cấp có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp **xã xem xét, quyết định bố trí không** quá 02 Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 5. Hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố thực hiện các hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư

a) Tổ chức để cộng đồng dân cư bàn và quyết định chủ trương, mức đóng góp, huy động nguồn lực hợp pháp để xây dựng, sửa chữa, duy tu cơ sở hạ tầng, các công trình phục vụ lợi ích chung của cộng đồng dân cư trong phạm vi thôn, tổ dân phố.

b) Thực hiện việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp tự nguyện, kinh phí, tài sản của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đóng góp do pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc tiếp nhận từ các nguồn tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích và đúng quy định.

c) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và tổ chức thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư sau khi được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận.

d) Tổ chức thực hiện việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

đ) Tổ chức các hoạt động tương trợ, giúp đỡ nhau phát triển kinh tế hộ gia đình; giảm nghèo bền vững; khuyến học, khuyến tài; chăm lo người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn; thực hiện các hoạt động nhân đạo, từ thiện và an sinh xã hội tại cộng đồng dân cư, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng.

e) Tham gia bảo tồn, phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa, di tích, lễ hội truyền thống; giữ gìn bản sắc văn hóa và xây dựng nếp sống văn minh trong cộng đồng dân cư.

g) Tham gia ý kiến đối với các nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư do chính quyền địa phương cấp xã lấy ý kiến theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

h) Thực hiện các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

2. Thôn, tổ dân phố thực hiện các hoạt động phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã tại địa bàn dân cư

a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các phong trào, cuộc vận động do cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

b) nắm bắt, tổng hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của Nhân dân; tham gia trao đổi, phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong việc giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống cộng đồng dân cư tại địa bàn.

c) Hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã trong việc cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến cộng đồng dân cư tại địa bàn để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp công khai thông tin, tạo điều kiện để Nhân dân tiếp cận thông tin, thực hiện thủ tục hành chính và dịch vụ công, các chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân.

đ) Tham gia, phối hợp thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và các hoạt động cộng đồng khác trên cơ sở vận động, tạo sự đồng thuận của Nhân dân và phù hợp với điều kiện thực tế của địa bàn.

e) Hỗ trợ triển khai chuyển đổi số tại cộng đồng dân cư; khuyến khích thôn, tổ dân phố sử dụng nền tảng số, xây dựng và duy trì các kênh thông tin điện tử trên các nền tảng số được phép hoạt động theo quy định của pháp luật để tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đời sống xã hội.

g) Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Ban công tác Mặt trận; các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức tự quản khác ở thôn, tổ dân phố nhằm bảo đảm sự phối hợp thống nhất, hiệu quả trong tổ chức và hoạt động tại địa bàn.

h) Thực hiện các nhiệm vụ phối hợp, hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của chính quyền địa phương cấp xã.

3. Hoạt động tự quản của thôn, tổ dân phố thực hiện trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật; hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố, phong tục, tập quán, truyền thống và điều kiện thực tế của từng thôn, tổ dân phố; hoạt động phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã tại địa bàn dân cư thực hiện trên cơ sở hướng dẫn của chính quyền địa phương cấp xã, phù hợp với chức năng tự quản của cộng đồng dân cư, điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Điều 7. Thẩm quyền thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

1. Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

2. Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về việc thành lập sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có trên cơ sở hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã trình.

Điều 8. Tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố

1. Quy mô số hộ gia đình

a) Đối với thôn: Phải có từ 400 hộ gia đình trở lên.

b) Đối với tổ dân phố: Phải có từ 550 hộ gia đình trở lên.

2. Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định việc tổ chức và sử dụng tên gọi thôn, tổ dân phố hoặc tên gọi cộng đồng dân cư khác theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Quy chế này thì áp dụng tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình tương ứng với loại hình thôn hoặc tổ dân phố theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Quy mô số hộ gia đình đối với thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù có thể thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều này, như sau:

a) Thôn, tổ dân phố có dân cư sinh sống không tập trung hoặc có địa hình bị chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn hoặc các điều kiện địa lý gây khó khăn cho việc tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư và công tác quản lý.

b) Thôn, tổ dân phố thuộc khu vực thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các cồn trên sông.

c) Thôn, tổ dân phố mới thành lập từ khu tái định cư, khu dân cư mới hình thành nhưng chưa bảo đảm quy mô số hộ gia đình theo quy định.

d) Việc xem xét quy mô số hộ gia đình thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; yêu cầu quản lý địa bàn, tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư; giữ gìn tính ổn định, gắn kết cộng đồng dân cư; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Thành lập thôn, tổ dân phố trong các trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp thành lập phường từ xã

Ủy ban nhân dân xã xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn bảo đảm tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình của tổ dân phố theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Quy chế này để tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đồng thời trong hồ sơ Đề án thành lập phường. Kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường có hiệu lực thi hành thì Hội đồng nhân dân phường ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp, tổ chức lại và sử dụng tên gọi tổ dân phố trên địa bàn. Trường hợp cần thiết do yếu tố lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán hoặc yêu cầu thực tiễn của địa phương thì Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định tiếp tục sử dụng tên gọi truyền thống theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Quy chế này.

2. Trường hợp khu dân cư mới hình thành chưa bảo đảm tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Quy chế này

Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có cho phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền địa phương cấp xã và các hoạt động của thôn, tổ dân phố.

3. Đối với thôn, tổ dân phố đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư trong cùng một đơn vị hành chính cấp tỉnh nhưng không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan thống nhất thực hiện việc chuyển giao cộng đồng dân cư để thuận tiện cho hoạt động quản lý và sinh hoạt của cộng đồng dân cư. Sau khi thực hiện việc chuyển giao:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thôn, tổ dân phố trước khi chuyển giao trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giải thể thôn, tổ dân phố hoặc điều chỉnh phạm vi quản lý của thôn, tổ dân phố có liên quan;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận thôn, tổ dân phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc thành lập thôn, tổ dân phố mới nếu bảo đảm tiêu chí, điều kiện theo quy định của Quy chế này; trường hợp không bảo đảm tiêu chí, điều kiện thì thực hiện việc ghép vào thôn, tổ dân phố hiện có theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 10. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn về việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố.

2. Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản triển khai theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định. Việc xây dựng Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố phải căn cứ nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố, tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, Quy chế này và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố bằng hình thức phù hợp theo quy định tại Điều 26 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân để hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

5. Hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố.

b) Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố, gồm các nội dung chủ yếu sau: Sự cần thiết; hiện trạng quy mô số hộ gia đình, số nhân khẩu; phương án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại; tên gọi của thôn, tổ dân phố; điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; phương án bố trí, giải quyết đối với người hoạt động không chuyên trách; phương án bố trí, giải quyết cơ sở vật chất và các nội dung có liên quan.

c) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân.

d) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố.

6. Trên cơ sở hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

Điều 11. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thôn, tổ dân phố

1. Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Tờ trình kèm theo Danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố thực hiện giải thể;

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với Tờ trình về việc giải thể thôn, tổ dân phố bằng hình thức phù hợp theo quy định tại Điều 26 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân; hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

3. Hồ sơ giải thể thôn, tổ dân phố, gồm:

a) Tờ trình kèm theo Danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố thực hiện giải thể;

b) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

c) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc giải thể thôn, tổ dân phố;

4. Trên cơ sở hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét ban hành Nghị quyết về giải thể thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

Điều 12. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố, trong đó nêu rõ lý do của việc đổi tên thôn, tổ dân phố; tên của thôn, tổ dân phố sau khi đổi tên.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố bằng hình thức phù hợp theo quy định Điều 26 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân; hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

3. Hồ sơ đổi tên thôn, tổ dân phố, gồm:

- a) Tờ trình về việc đổi tên thôn, tổ dân phố.
- b) Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố.
- c) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân.
- d) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc đổi tên thôn, tổ dân phố.

4. Trên cơ sở hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về đổi tên thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

Điều 13. Trường hợp ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

1. Ủy ban nhân dân cấp xã lập Phương án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, trong đó nêu rõ sự cần thiết của việc ghép cụm dân cư; phạm vi cụm dân cư được ghép; số hộ gia đình; thôn, tổ dân phố tiếp nhận.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân tại cụm dân cư được ghép và thôn, tổ dân phố bằng hình thức phù hợp theo quy định Điều 26 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân; hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

3. Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố, gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có;

b) Phương án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có;

c) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân;

4. Trên cơ sở hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

Chương III

TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ NGƯỜI THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 14. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và người tham gia hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 185/2026/NĐ-CP*) và Quy định số 541-QĐ/TU ngày 15/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Tiêu chuẩn của người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

a) Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được xác định chức danh và số lượng theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND.

b) Tiêu chuẩn của người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố là công dân Việt Nam cư trú thường xuyên tại thôn, tổ dân phố; có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt được Nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có kiến thức văn hoá, năng lực, kinh nghiệm; phối hợp tham gia hỗ trợ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao. Ngoài các tiêu chuẩn này, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố còn phải thực hiện theo tiêu chuẩn của điều lệ tổ chức mà người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố là thành viên, theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Nhiệm vụ của người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để hỗ trợ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của luật, điều lệ tổ chức mà người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố là thành viên, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư và quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý.

Điều 16. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm. Đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn tỉnh hiện đã thành lập sau sắp xếp, tổ chức lại hoặc được giữ nguyên nhiệm kỳ thống nhất được xác định là nhiệm kỳ 2026-2031, bắt đầu từ tháng 7 năm 2026.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhưng không quá 06 tháng trong trường hợp cần bảo đảm thống nhất với thời điểm tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do tình huống bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức bầu cử đúng thời hạn. Trường hợp phải rút ngắn hoặc kéo dài quá 06 tháng thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, quyết định.

Điều 17. Công tác chuẩn bị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Chậm nhất 20 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố.

2. Chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định thành lập Tổ bầu cử (*gồm: Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố làm Tổ trưởng; thành viên là đại diện các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và đại diện hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố không phải là người ứng cử Trưởng thôn Tổ trưởng tổ dân phố*).

3. Chậm nhất là 07 ngày trước ngày bầu cử, các quyết định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải được thông báo đến Nhân dân ở thôn, tổ dân phố, niêm yết tại nhà văn hoá, nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn, tổ dân phố và thông báo trên hệ thống truyền thanh hoặc bằng hình thức khác phù hợp với điều kiện của địa phương.

4. Chậm nhất 15 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư, Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã biên bản cuộc họp dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố tổ chức cuộc họp Ban công tác Mặt trận dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; báo cáo với cấp ủy chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất giới thiệu ít nhất 01 người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; tổ chức cuộc họp Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố sau khi có ý kiến của chi ủy chi bộ thôn, tổ dân phố để quyết định danh sách chính thức người ra ứng cử (ít nhất 01 người).

Điều 18. Tiến hành bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và lựa chọn người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Việc tiến hành bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2023/NĐ-CP*). Trong trường hợp thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc trường hợp khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

2. Việc lựa chọn người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn sau khi thống nhất với Bí thư Chi bộ, Trưởng ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố kèm danh sách lựa chọn người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, Biên bản cuộc họp và một số tài liệu khác theo yêu cầu của cơ quan cấp xã (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành quyết định công nhận người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

Điều 19. Việc công nhận kết quả bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Việc công nhận kết quả bầu cử thực hiện theo Điều 8 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

Điều 20. Quy trình cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Quy trình cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

2. Quy trình cho thôi làm người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố có đơn gửi Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nêu rõ lý do xin thôi (lý do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình, hoặc lý do khác) hoặc người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo, phân công nhiệm vụ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và các quy định của cấp trên, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức độ bị truy cứu trách nhiệm hình sự, khi có ít nhất 50% tổng số hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị hoặc vì lý do khác thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với Bí thư Chi bộ, Trưởng ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố có văn bản kèm danh sách cho thôi làm người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, biên bản cuộc họp và một số tài liệu khác theo yêu cầu của cơ quan cấp xã (nếu có). Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành quyết định cho thôi làm người hoạt động ở thôn, tổ dân phố trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và các tài liệu kèm theo của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 21. Việc đào tạo, bồi dưỡng và chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được Ủy ban nhân dân cấp xã cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao, ưu tiên bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, vận động Nhân dân, hòa giải ở cơ sở, tổ chức hoạt động cộng đồng dân cư; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sử dụng nền

tăng số, cập nhật dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo quy định và được hưởng chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng phụ cấp hằng tháng, mức phụ cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND.

3. Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được hưởng mức hỗ trợ hằng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND.

4. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND.

Điều 22. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Người vi phạm quy định của pháp luật hoặc không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm của các cơ quan, địa phương

1. Sở Nội vụ

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Quy chế này; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo và sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn.

b) Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ về tình hình tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ trong việc hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Quản lý, chỉ đạo hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật liên quan.

b) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn. Định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) về tình hình tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn và việc thực hiện Quy chế này; kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn.

c) Tổ chức giao ban định kỳ hoặc đột xuất với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để nắm bắt thông tin, chỉ đạo kịp thời hoạt động tại thôn, tổ dân phố; thường xuyên trao đổi, thông tin các nhiệm vụ, phong trào triển khai trên địa bàn và các nội dung cần lưu ý liên quan đến hoạt động thôn, tổ dân phố để Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố kịp thời trao đổi thông tin đến Nhân dân bằng nhiều hình thức. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp xã có thể tổ chức giao ban trực tuyến hoặc kết hợp giữa hình thức trực tiếp và trực tuyến nhằm bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm thời gian, chi phí và phù hợp với điều kiện thực tế.

d) Đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả hoạt động của thôn, tổ dân phố tổng hợp và kiến nghị, đề xuất để cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế.

đ) Ủy ban nhân dân cấp xã xác định quy mô số hộ gia đình theo từng thôn, tổ dân phố trên địa bàn tại thời điểm ngày 01/7/2026 sau khi thống nhất với Công an xã, phường để làm cơ sở xác định và chi trả chế độ phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố đảm bảo đúng quy định. Sau 02 năm, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Công an xã, phường thực hiện rà soát, điều chỉnh quy mô số hộ gia đình theo từng thôn, tổ dân phố trên địa bàn để thực hiện việc chi trả chế độ phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố đảm bảo đúng quy định.

Điều 24. Điều khoản thi hành

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định, có trách nhiệm quán triệt, phổ biến, tuyên truyền và tổ chức thực hiện Quy chế này. Trường hợp những văn bản viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, quyết định hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của địa phương./.
